

# 恒利会计与顾问有限公司

EVER WIN ACCOUNTING & CONSULTING CO.,LTD

123/2020/NĐ-CP 号议定+  
78/2021/TT-BTC 号通知  
有关电子发票之相关规定

税务新知 AC-2203  
Điểm tin Thuế



标题 介绍第123/2020/NĐ-CP号议定和第78/2021/TT-BTC号通知关于  
Tiêu đề 发票、单据之若干新内容

GIỚI THIỆU CÁC NỘI DUNG MỚI TẠI NGHỊ ĐỊNH 123/2020  
VÀ THÔNG TƯ SỐ 78/2021/TT-BTC VỀ HÓA ĐƠN, CHỨNG  
TỪ

编撰 经理阮维成 会计师  
Người soạn Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành

涉及范围 电子发票、越南税务法、增值税发票、销售发票  
Phạm vi Hóa đơn điện tử, Luật thuế Việt Nam, Hóa đơn GTGT, Hóa đơn  
liên quan bán hàng

Think for you Do for you  
为您思考 用心服务



# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

1. 第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 8 条规定的发票包括：

Hóa đơn quy định tại điều 8 Nghị định 123/2020 này gồm các loại sau:

1.1. 增值税发票是应用抵扣法申报增值税于下列活动的组织的发票：

Hóa đơn giá trị gia tăng là hóa đơn dành cho các tổ chức khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ sử dụng cho các hoạt động:

a) 本地销货、提供服务；

Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong nội địa;

b) 国际营运活动；

Hoạt động vận tải quốc tế;

c) 出口到加工出口区或视为出口的情况；

Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;

d) 出口货物、提供服务到国外。

Xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.

1.2. 销货发票适用于下列组织、个人：

Hóa đơn bán hàng là hóa đơn dành cho các tổ chức, cá nhân như sau:

a) 以直接法申报、计算增值税于下列活动的组织、个人：

Tổ chức, cá nhân khai, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp sử dụng cho các hoạt động:

- 本地销货、提供服务；

Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong nội địa;

- 国际运输活动；

Hoạt động vận tải quốc tế;

- 出口到加工出口区或视为出口的情况；

Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 出口货物、提供服务到国外。

Xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.

b) 加工出口区的组织、个人向本地销售货物或者提供服务，以及在加工出口区内与组织、个人销售货物或者提供服务，出口货物，提供服务到国外时，发票上写明“适用于加工出口区内的组织、个人”。

Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ vào nội địa và khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau, xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài, trên hóa đơn ghi rõ “Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan”.

### 2. 第 78/2021/TT-BTC 号通知第 3 条委任开具电子发票之规定

#### Về ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử quy định tại Điều 3 Thông tư số 78/2021/TT-BTC

2020/10/19 第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 4 条第 7 款规定关于委任开具电子发票并由财政部具体指引：

Khoản 7 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về việc ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử (HDDT) và giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.

第 78/2021/TT-BTC 号通知第 3 条规定开具电子发票的委任内容如下：

Nội dung ủy nhiệm lập HDDT tại Điều 3 Thông tư số 78/2021/TT-BTC như sau:

- 第三方（开具电子发票的受委任方）为卖方的关联方，为使用电子发票以及非被禁止使用电子发票的对象。

Bên thứ ba (bên nhận ủy nhiệm lập HDDT) là bên có quan hệ liên kết với người bán, là đối tượng đủ điều kiện sử dụng HDDT và không thuộc trường hợp ngừng sử dụng HDDT.

关联关系依政府于 2020/11/05 规定关于有关联交易企业的税收管理之第 132/2020/NĐ-CP 号议定第 5 条第 2 款的规定确定。

Quan hệ liên kết được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

第123/2020/NĐ-CP 号议定第16条第1款规定停止使用电子发票的情况。

Các trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT được quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

- 由受委任方开具的电子发票为带或无带税务机关验证码，显示委任方和受委任方的名称、地址、税号，并符合实际发生的电子发票。

HĐĐT do bên nhận ủy nhiệm lập là HĐĐT có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế và phải thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và tên, địa chỉ, mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm và phải đúng thực tế phát sinh.

若委任发票为无带税务机关验证码的电子发票，则委任方有责任传输电子发票数据或通过服务供应组织传输电子发票数据给直接管理税务机关。

Trường hợp hóa đơn ủy nhiệm là HĐĐT không có mã của cơ quan thuế thì bên ủy nhiệm có trách nhiệm chuyển dữ liệu HĐĐT hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ để chuyển dữ liệu HĐĐT đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

- 委任开票需以书面形式（委任合同或委任协议书）记录并充分显示以下资讯：

Việc ủy nhiệm phải được lập bằng văn bản (hợp đồng ủy nhiệm hoặc thỏa thuận ủy nhiệm) giữa hai bên và phải thể hiện đầy đủ các thông tin sau:

+ 委任方和受委任方的资讯（名称、地址、税号、数字证书）；

Thông tin về bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm (tên, địa chỉ, mã số thuế, chứng thư số);

+ 委任电子发票的信息（发票类别、发票符号、电子发票型号符号）；

Thông tin về hóa đơn điện tử ủy nhiệm (loại hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn);

+ 委任目的；

Mục đích ủy nhiệm;

+ 委任期限；

Thời hạn ủy nhiệm;

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ 委任发票的付款方式（在委任发票上写明支付货款、服务费的责任）；

Phương thức thanh toán hóa đơn ủy nhiệm (ghi rõ trách nhiệm thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn ủy nhiệm);

- 委任开票获确定为变更登记使用电子发票的信息，因此，委任方和受委任方必须依第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 15 条的规定向税务机关登记（通知）开具电子发票的委任，包括依双方约定提前终止开具电子发票的委任。各方进行填写随附第 123/2020/NĐ-CP 号议定的第 01ĐKTĐ/HĐĐT 号表格第 5 项、第 6 项的数据证书、名称、税号等相关信息。

Việc ủy nhiệm được xác định là thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử do đó bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm phải đăng ký (thông báo) với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về việc ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử, bao gồm cả trường hợp chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm lập HĐĐT theo thỏa thuận giữa các bên. Các bên thực hiện điền thông tin liên quan chứng thư số, tên, mã số thuế tại Phần 5, Phần 6 Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

- 委任方和受委任方的责任：

Trách nhiệm của bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm:

+ 委任开具电子发票时：双方必须在其网站上标明或在大众媒体上公开公告，以便买方得知开具发票的委任；

Khi thực hiện ủy nhiệm lập HĐĐT: các bên phải niêm yết trên website của đơn vị mình hoặc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để người mua được biết về việc ủy nhiệm lập hóa đơn;

+ 委任期限届满或依双方的约定提前终止委任期限时，双方取消标明，在其单位网站上公告或在大众媒体上公告委任开具发票；

Khi hết thời hạn ủy nhiệm hoặc chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm theo thỏa thuận giữa các bên thì hai bên hủy các niêm yết, thông báo trên website của đơn vị mình hoặc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về việc ủy nhiệm lập hóa đơn;

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

3.第 78/2021/TT-BTC 号通知第 4 条规定的发票型号符号、发票符号、发票序列号名称  
Về ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn, tên liên hóa đơn quy định tại Điều 4 Thông tư số  
78/2021/TT-BTC

### 3.1. 电子发票

#### Đối với hóa đơn điện tử

- 电子发票型号符号是一个自然数为 1、2、3、4、5、6 的自然数字字符，以反映电子发票的类型，例如：增值税电子发票；销售电子发票；出售公共财产的电子发票；国家储备品销售电子发票；电子邮票、电子票、电子卡、电子收据的其他电子发票或有其他名称但依第 123/2020/NĐ-CP 号议定具有电子发票内容的各项电子单据；像发票一样适用和管理个电子单据，包括电子出库兼内部运输单、电子代理商的出库单。

Ký hiệu mẫu số hóa đơn điện tử là ký tự có một chữ số tự nhiên là các số tự nhiên 1, 2, 3, 4, 5, 6 để phản ánh loại hóa đơn điện tử như: Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng; Hóa đơn điện tử bán hàng; Hóa đơn điện tử bán tài sản công; Hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia; Hóa đơn điện tử khác là tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử hoặc các chứng từ điện tử có tên gọi khác nhưng có nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP; Các chứng từ điện tử được sử dụng và quản lý như hóa đơn gồm phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử.

- 电子发票符号是一组 6 个字符，包括代表电子发票符号的字母和数字，以反映以下信息：

Ký hiệu hóa đơn điện tử là nhóm 6 ký tự gồm cả chữ viết và chữ số thể hiện ký hiệu hóa đơn điện tử để phản ánh các thông tin sau:

+ 第一个字符为一 (01) 个字母，指定为 C 或 K 如下：C 代表带税务机关验证码的电子发票、K 代表无带税务机关验证码的电子发票；

Ký tự đầu tiên là một (01) chữ cái được quy định là C hoặc K như sau: C thể hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, K thể hiện hóa đơn điện tử không có mã;

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ 接下来的两个字符为两 (02) 位阿拉伯数字，代表电子发票的年份，根据日历年的最后 2 位数字确定。

Hai ký tự tiếp theo là hai (02) chữ số Ả rập thể hiện năm lập hóa đơn điện tử được xác định theo 2 chữ số cuối của năm dương lịch.

+ 接下来的一个字符为一 (01) 个字母，指定为 T、D、L、M、N、B、G、H，代表所使用的电子发票类型。

Một ký tự tiếp theo là một (01) chữ cái được quy định là T, D, L, M, N, B, G, H thể hiện loại hóa đơn điện tử được sử dụng.

+ 最后两个字符是卖方根据管理需要确定的字母。如果卖方在同一种发票中使用多个电子发票范本，则使用上面最后两个字符来区分同一种发票中的不同发票范本。如果不需要管理，则载 YY；

Hai ký tự cuối là chữ viết do người bán tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý. Trường hợp người bán sử dụng nhiều mẫu hóa đơn điện tử trong cùng một loại hóa đơn thì sử dụng hai ký tự cuối nêu trên để phân biệt các mẫu hóa đơn khác nhau trong cùng một loại hóa đơn. Trường hợp không có nhu cầu quản lý thì để là YY;

### 3.2. 对于税务机关定制印制的发票

#### Đối với hóa đơn do cơ quan thuế đặt in

- 税务局定制印制的发票型号符号是一组 11 个字符，代表以下信息：发票类型名称、序列号、发票类型中的范本序号（一种发票可以有多种范本）。具体如下：

Ký hiệu mẫu số hóa đơn do Cục Thuế đặt in là một nhóm gồm 11 ký tự thể hiện các thông tin về: tên loại hóa đơn, số liên, số thứ tự mẫu trong một loại hóa đơn (một loại hóa đơn có thể có nhiều mẫu). Cụ thể như sau:

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ 前六 (06) 个字符代表发票类型的名称：01GTKT - 增值税发票；02GTTT - 销售发票；07KPTQ - 加工出口区组织和个人的销售发票；03XKNB - 出库兼内部运输单；04HGDL - 发给代理商的出库单。

Sáu (06) ký tự đầu tiên thể hiện tên loại hóa đơn: 01GTKT -Hóa đơn giá trị gia tăng; 02GTTT - Hóa đơn bán hàng; 07KPTQ - Hóa đơn bán hàng dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; 03XKNB - Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; 04HGDL - Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý.

+ 接下来的一 (01) 个字符为 1、2、3 的熙然书，代表发票的序列号；

Một (01) ký tự tiếp theo là các số tự nhiên 1, 2, 3 thể hiện số liên hóa đơn;

+ 接下来的一 (01) 个字符为 “/”，用于分隔；

Một (01) ký tự tiếp theo là “/” để phân cách;

+ 接下里的三 (03) 个字符为一种发票类型中样本的序号，从 001 到 999。

Ba (03) ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn, bắt đầu bằng 001 và tối đa đến 999.

- 税务机关定制印制的发票符号为一组 08 个字符，代表以下信息：印制发票的税务机关；印制发票的年份；税务机关依管理需求自行确定的发票符号，具体如下：

Ký hiệu hóa đơn do Cục Thuế đặt in là một nhóm gồm 08 ký tự thể hiện thông tin về: Cục Thuế đặt in hóa đơn; năm đặt in hóa đơn; ký hiệu hóa đơn do cơ quan thuế tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý, cụ thể như sau:

+ 前两 (02) 个字符代表印制发票税务机关的税号，并依随附第 78/2021/TT-BTC 号通知的第 I.A 附录确定。

Hai (02) ký tự đầu tiên thể hiện mã của Cục Thuế đặt in hóa đơn và được xác định theo Phụ lục I.A ban hành kèm theo Thông tư số 78/2021/TT-BTC;



# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ 接下来的两个字符为越南字母表 20 个大写字母中的两个字母，包括：A、B、C、D、E、G、H、K、L、M、N、P、Q、R、S、T、U、V、X、Y，代表税务机关根据管理需求自行确定的发票符号；

Hai (02) ký tự tiếp theo là hai chữ cái trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái Việt Nam gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y thể hiện ký hiệu hóa đơn do cơ quan thuế tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý;

+ 接下来的一 (01) 个字符为 “/”，用于分隔；

Một (01) ký tự tiếp theo là “/” để phân cách;

+ 接下来的三 (03) 个字符，包括前两 (02) 个字符，是代表税务机关定制印制发票年份的两份阿拉伯数字，其根据日历年的最后两个字数确定，和一 (01) 个字符代表税务机关定制印制的发票的 P 字母。

Ba (03) ký tự tiếp theo gồm hai (02) ký tự đầu là hai chữ số Ả rập thể hiện năm Cục Thuế đặt in hóa đơn, được xác định theo 02 chữ số cuối của năm dương lịch và một (01) ký tự là chữ cái P thể hiện hóa đơn do Cục Thuế đặt in.

- 税务机关定制印制的发票的序列号为同一个发票编号的表格。每个发票有三件，其中：第一件：保留；第二件：发给买方；第三件：内部。

Liên hóa đơn do Cục Thuế đặt in là các tờ trong cùng một số hóa đơn. Mỗi số hóa đơn có 3 liên trong đó: Liên 1: Lưu; Liên 2: Giao cho người mua; Liên 3: Nội bộ.

- 税务机关定制印制的邮件、票、卡的发票符号包括三 (03) 个字符，用于区分邮票、票、卡属于增值税发票还是销售发票，具体如下：

Ký hiệu mẫu số hóa đơn là tem, vé, thẻ do Cục Thuế đặt in gồm 03 ký tự để phân biệt tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn giá trị gia tăng hay hóa đơn bán hàng như sau:

- 符号 01/：用于增值税发票类型的邮票、票、卡；

Ký hiệu 01/: đối với tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn GTGT;

- 符号 02/：用于销售发票类型的邮票、票、卡。

Ký hiệu 02/: đối với tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn bán hàng.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

3.3. 第 78/2021/TT-BTC 号通知第 5 条规定的带税务机关验证码的增值税发票之使用转换

Về việc chuyển đổi áp dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế quy định tại Điều 5 Thông tư số 78/2021/TT-BTC

a. 正在使用无带税务机关验证码的电子发票的纳税人，若有转换使用带税务机关验证码的增值税发票的需求，则依第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 15 条的规定进行变更使用电子发票的信息。

Người nộp thuế đang sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế nếu có nhu cầu chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì thực hiện thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

无带税务机关验证码的电子发票的使用对象依 2019 年税务管理法第 91 条第 2 款确定。Đối tượng sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế được xác định theo Khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế năm 2019.

变更发票使用信息时，纳税人将随附第 123/2020/NĐ-CP 号议定的第 01ĐKTĐ/HĐĐT 号表格提交给税务机关，并在第 01ĐKTĐ/HĐĐT 号表格第一部分“发票形式”上勾选“带税务机关验证码的发票”。

Khi thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn, NNT gửi Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đến cơ quan thuế và đánh dấu chọn “Hóa đơn có mã của cơ quan thuế” tại Phần 1 “Hình thức hóa đơn” trên Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

b. 属于使用无带税务机关验证码的电子发票的纳税人（依 2019 年税务管理法第 91 条第 2 款确定），若依财政部于 2021.05.17 规定关于税务管理中风险的适用的第 31/2021/TT-BTC 号通知的规定属于税务高风险并获税务机关通知的对象，则纳税人需转换成带税务机关验证码的电子发票。

Người nộp thuế thuộc đối tượng sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế (xác định theo Khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế năm 2019) nếu thuộc trường hợp rủi ro cao về thuế theo quy định tại Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định về áp dụng rủi ro trong quản lý thuế và được cơ quan thuế thông báo thì NNT phải chuyển đổi sang áp dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế.

自税务机关发出通知之日起十（10）个工作日内，纳税人需依第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 15 条的规定通过将随附第 123/2020/NĐ-CP 号议定的第 01ĐKTĐ/HĐĐT 号表格提交给税务机关并在第 01ĐKTĐ/HĐĐT 号表格第一部分“发票形式”上勾选“带税务机关验证码的发票”及按税务机关的通知进行变更电子发票使用信息（从无带税务机关验证码的电子发票转换成带税务机关验证码的电子发票）。

Trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế phát hành thông báo, người nộp thuế phải thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử (chuyển từ sử dụng HĐĐT không có mã sang HĐĐT có mã của cơ quan thuế) theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP bằng cách gửi Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đến cơ quan thuế và đánh dấu chọn “Hóa đơn có mã của cơ quan thuế” tại Phần 1 “Hình thức hóa đơn” trên Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT và thực hiện theo thông báo của cơ quan thuế.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

转换使用带税务机关验证码的电子发票后 12 个月内，若纳税人有使用无带税务机关验证码的电子发票的需求，则纳税人依第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 15 条的规定（纳税人将随附第 123/2020/NĐ-CP 号议定的第 01ĐKTĐ/HĐĐT 号表格提交给税务机关并在第 01ĐKTĐ/HĐĐT 号表格第一部分“发票形式”上勾选“带税务机关验证码的发票”）办理变更发票使用信息的变更。税务机关依税务管理法第 91 条第 2 款和财政部于 2021.05.17 规定关于税务管理中风险的适用的第 31/2021/TT-BTC 号通知所规定的使用电子发票的对象和条件来审议决定是否批准纳税人对使用无带税务机关验证码电子发票的登记。

Sau 12 tháng kể từ thời điểm chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, nếu người nộp thuế có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử không có mã thì người nộp thuế thực hiện khai thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (NNT gửi Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và đánh dấu chọn “Hóa đơn không có mã của cơ quan thuế” tại Phần 1 “Hình thức hóa đơn”). Cơ quan thuế căn cứ đối tượng và điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế<sup>4</sup> và quy định tại Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định về áp dụng rủi ro trong quản lý thuế để xem xét, quyết định trả lời về việc chấp thuận hay không chấp thuận đăng ký sử dụng HĐĐT không có mã của NNT.

### 3.4. 依第 78/2021/TT-BTC 号通知第 6 条的指引适用电子发票对于其他情况

#### Áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác theo hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư số 78/2021/TT-BTC

第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 13 条第 4 款规定财政部依管理需求指引适用电子发票对于其他情况（第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 13 条第 3 款规定的八（08）个情况除外）。Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác (ngoài tám (08) trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP) theo yêu cầu quản lý.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

第 78/2021/TT-BTC 号通知第 6 条对传输无带税务机关验证码电子发票数据给税务机关、经营石油情况的发票数据传输、适用电子发票于经营户及提供银行服务的情况指引如下：

Điều 6 Thông tư số 78/2021/TT-BTC hướng dẫn việc chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã đến cơ quan thuế, chuyển dữ liệu hóa đơn đối với trường hợp kinh doanh xăng dầu, áp dụng hóa đơn điện tử đối với hộ kinh doanh và trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng như sau:

### 3.4.1. 传输无带税务机关验证码电子发票数据给税务机关

Đối với việc chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã đến cơ quan thuế:

卖方开具电子发票并发给买方后，需同时将电子发票发给税务机关，最迟为将发票发给买方的同一天。

Người bán sau khi lập HĐĐT gửi cho người mua phải đồng thời gửi HĐĐT cho cơ quan thuế, chậm nhất là trong cùng ngày gửi hóa đơn cho người mua.

将无带税务机关验证码电子发票发给买方的事宜依第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 22 条第 3 款第 a.2 点的规定执行。

Việc gửi HĐĐT không có mã của cơ quan thuế cho người mua thực hiện theo quy định tại điểm a.2 khoản 3 Điều 22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

### 3.4.2. 对于经营石油的情况：卖方依第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 22 条第 3 款第 a.1 点的规定在同一天内将石油销售发票数据传输给税务机关。

Đối với trường hợp kinh doanh xăng dầu: Người bán chuyển dữ liệu hóa đơn bán xăng dầu cho cơ quan thuế trong ngày theo quy định tại điểm a.1 khoản 3 Điều 22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

若买卖双方有约定，为货物流通或数据查询创造有利条件，卖方在开具电子发票的全部内容后，同时发给买方和税务机关。

Trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận để tạo thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa hoặc tra cứu dữ liệu thì người bán sau khi lập hóa đơn điện tử đầy đủ các nội dung trên hóa đơn gửi người mua đồng thời gửi cho cơ quan thuế.

### 3.4.3. 使用电子发票的经营户、个人包括：

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử bao gồm:

- 以申报方式纳税的经营户和个人必须使用电子发票；

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai phải sử dụng hóa đơn điện tử;

- 按推定法纳税的经营户、个人，若有使用发票的需求，则税务机关应在每次发生时开具个人电子发票；

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán nếu có yêu cầu sử dụng hóa đơn thì cơ quan thuế cấp lẻ hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh;

- 经营户、个人按每次发生进行申报，若有使用发票的需求，则税务机关在每次发生时开具个人电子发票。

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khai thuế theo từng lần phát sinh nếu có yêu cầu sử dụng hóa đơn thì cơ quan thuế cấp lẻ hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh.

### 3.4.4. 对于银行服务：

Đối với dịch vụ ngân hàng:

- 开票日期根据银行服务供应商与客户之间的合同定期开具，但最迟为服务提供活动发生的月份的最后一天。发票所附的文件为列表或经双方确认的其他文件。

Ngày lập hóa đơn được thực hiện định kỳ theo hợp đồng giữa bên cung cấp dịch vụ ngân hàng và khách hàng nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ. Các tài liệu kèm theo hóa đơn là Bảng kê hoặc chứng từ khác có xác nhận của hai bên.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 若银行服务供应量大、频繁发生、银行与相关第三方（支付机构、国际卡组织或其他组织）之间的数据核对需要时间，则开票时间为双方之间的数据核对完成之时，但不迟于发生月份的下个月的第10天。

Trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát dữ liệu giữa ngân hàng và các bên thứ ba có liên quan (tổ chức thanh toán, tổ chức thẻ quốc tế hoặc các tổ chức khác) thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 10 của tháng sau tháng phát sinh.

### 3.5. 处理某些情况下的错误

#### Xử lý sai sót trong một số trường hợp

第123/2020/NĐ-CP號議定第19條規定對於有錯誤的已開具的發票之處理（首次處理）。  
Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về xử lý đối với hóa đơn điện tử đã lập có sai sót (xử lý lần đầu).

第78/2021/TT-BTC号通知第7条对第一次处理后仍存在错误的情况下，予以指引继续处理电子发票后续的错误，对有错误、缺交数据或需调整的电子发票总汇总表予以处理指引。具体如下：

Tại Điều 7 Thông tư số 78/2021/TT-BTC hướng dẫn tiếp tục xử lý sai sót HĐĐT các lần tiếp theo nếu sau khi xử lý lần đầu vẫn còn sai sót, hướng dẫn xử lý bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử trong trường hợp có sai sót, gửi thiếu dữ liệu hóa đơn hoặc cần điều chỉnh. Cụ thể như sau:

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

### 3.5.1. 错误电子发票的处理原则：

Nguyên tắc xử lý hóa đơn điện tử sai sót:

- 若电子发票有错误需要补发税务机关编码，或电子发票有错误需要以调整或补发方式处理，则卖方有权选择将每张有误的发票的调整或对多张有误的电子发票的调整随时通知税务机关，但最迟于产生调整的电子发票的增值税申报期的最后一天。

Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có sai sót phải cấp lại mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử có sai sót cần xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế thì người bán được lựa chọn để thông báo việc điều chỉnh cho từng hóa đơn có sai sót hoặc thông báo việc điều chỉnh cho nhiều hóa đơn điện tử có sai sót đến cơ quan thuế bất cứ thời gian nào nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của kỳ kê khai thuế giá trị gia tăng phát sinh hóa đơn điện tử điều chỉnh.

卖方使用随附第 123/2020/NĐ-CP 号议定附录 IA 的第 04/SS-HĐĐT 号表格将有误发票的调整通知税务机关。

Người bán sử dụng Mẫu số 04/SS-HĐĐT tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP để thông báo đến cơ quan thuế về việc điều chỉnh hóa đơn có sai sót.

- 如果卖方在提供服务之前或期间收款时开具发票，后续产生取消或终止服务的提供，则卖方进行取消已开具的电子发票并将发票的取消通知税务机关。

Trường hợp người bán lập hóa đơn khi thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ sau đó có phát sinh việc hủy hoặc chấm dứt việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập và thông báo với cơ quan thuế về việc hủy hóa đơn.

- 若已开具的电子发票有误，并卖方已通过调整或更换方式处理，然后再发现发票继续有误，则卖方在后续处理时，将按照第一次处理错误时适用的方式继续处理。

Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có sai sót và người bán đã xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế, sau đó lại phát hiện hóa đơn tiếp tục có sai sót thì các lần xử lý tiếp theo người bán sẽ thực hiện theo hình thức đã áp dụng khi xử lý sai sót lần đầu.



# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 若电子发票无发票型号、发票符号或发票编号有误，则卖方只能作更正，不得取消或更换；

Trường hợp theo quy định hóa đơn điện tử được lập không có ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn có sai sót thì người bán chỉ thực hiện điều chỉnh mà không thực hiện hủy hoặc thay thế;

- 若电子发票上有误的数值内容，按实际调整增加（正号）或减少（负号）。

Đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn điện tử có sai sót thì: điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh.

3.5.2. 对于提交的电子发票数据汇总表缺少数据、有错误和调整汇总表上的发票的情况

Đối với trường hợp bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi thiếu dữ liệu, có sai sót và điều chỉnh hóa đơn trên bảng tổng hợp dữ liệu

- 在向税务机关传送电子发票数据汇总表的期限后，若发现发给税务机关的电子发票数据汇总表中缺少电子发票数据，卖方再提供补充的电子发票数据汇总表给税务机关。  
Sau thời hạn chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế, nếu phát hiện thiếu dữ liệu hóa đơn điện tử tại bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế thì người bán gửi bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bổ sung.

- 若发给税务机关的电子发票数据汇总表有误，则卖方针对汇总表上申报的信息提交调整信息。

Trường hợp bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế có sai sót thì người bán gửi thông tin điều chỉnh cho các thông tin đã kê khai trên bảng tổng hợp.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 在电子发票数据汇总表的发票调整中，必须填写以下信息：发票型号，发票符号，发票编号（不必要有发票型号、发票符号、发票编号的完整信息的电子发票除外）。  
Việc điều chỉnh hóa đơn trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử thì phải điền đủ các thông tin: ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn (trừ trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có đầy đủ các thông tin ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn).

3.5.3. 调整、更换的电子发票（包括已取消的电子发票）相关的税务申报文件的补充申报将依税务管理法的规定执行。

Việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế liên quan các hóa đơn điện tử điều chỉnh, thay thế (bao gồm cả hóa đơn điện tử bị hủy) thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

### 3.6. 第 78/2021/TT-BTC 号通知第 8 条规定的由收银机生成的电子发票

Hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền quy định tại Điều 8 Thông tư số 78/2021/TT-BTC

#### 3.6.1. 适用对象

##### Đối tượng áp dụng:

按申报方式纳税的企业、经营户和个人正在使用带或无带税务机关验证码的电子发票，但按（贸易中心；超市；消费品零售；餐饮；餐厅；酒店；现代药品零售；娱乐服务及其他服务的）经营模式直接向消费者提供货物、服务，由于发票数量多且连续，为方便开票，纳税人得以选择使用收银机将与税务机关链接传输电子数据的从收银机生成之电子发票适用于上述经营活动或使用正在使用的带、无带验证码之电子发票。

Doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai đang sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế nhưng có hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng theo mô hình kinh doanh (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ hàng tiêu dùng; ăn uống; nhà hàng; khách sạn; bán lẻ thuốc tân dược; dịch vụ vui chơi, giải trí và các dịch vụ khác) do số lượng hóa đơn xuất ra nhiều và liên tục, để thuận lợi trong việc lập hóa đơn thì NNT được lựa chọn sử dụng máy tính tiền để áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế đối với các hoạt động kinh doanh nêu trên hoặc sử dụng hóa đơn điện tử có mã, hóa đơn điện tử không có mã như đang áp dụng.

#### 3.6.2. 原则：

##### Nguyên tắc:

- 第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 11 条规定与税务机关链接传输电子数据的从收银机生成的电子发票获税务机关签发验证码如下：

Hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế được cơ quan thuế cấp mã đảm bảo quy định tại Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP như sau:

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ 有认识与税务机关链接传输电子数据的从收银机生成的电子发票为带税务机关验证码的电子发票之标志。从收银机生成的电子发票上的税务机关验证码将根据字符串自动开具、没有重复地签发给每个经营单位。纳税人在开具从收银机生成的电子发票时，有责任确保连续唯一使用税务机关签发的字符串。

Có dấu hiệu nhận biết được hóa đơn in từ máy tính tiền kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế là HĐĐT có mã của cơ quan thuế. Mã của cơ quan thuế trên HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền được cấp tự động theo dải ký tự cho từng cơ sở kinh doanh, không trùng lặp. Người nộp thuế có trách nhiệm sử dụng dải ký tự mã của cơ quan thuế đảm bảo liên tục và duy nhất khi lập HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền;

+ 不需要数字签名；

Không bắt buộc có chữ ký số;

+ 确定税务义务时，使用从收银机生成的发票（或复制发票或从税务总局电子信息网站上查询发票信息）购买货物、服务的费用获确定为具备合法发票、单据的费用。

Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn (hoặc sao chụp hóa đơn hoặc tra thông tin từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về hóa đơn) được khởi tạo từ máy tính tiền được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.

- 与税务机关链接传输电子数据的从收银机生成的带税务机关验证码的电子发票内容如下：卖方的名称、地址、税号；买方信息（若买方要求）（个人识别号或税号）；货物、服务名称、单价、数量、付款价。按抵扣方式纳税的组织、企业需注明未含增值税的出售价格、增值税税率、增值税金额、含增值税的付款总额；开具增值税时间；税务机关代码。

Nội dung HĐĐT có mã của cơ quan thuế được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế có các nội dung: Tên, địa chỉ, mã số thuế người bán; Thông tin người mua nếu người mua yêu cầu (mã số định danh cá nhân hoặc mã số thuế); Tên hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, số lượng, giá thanh toán. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ phải ghi rõ giá bán chưa thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT, tiền thuế GTGT, tổng tiền thanh toán có thuế GTGT; Thời điểm lập hóa đơn; Mã của cơ quan thuế.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

### 3.6.3. 纳税人的责任

#### Trách nhiệm của người nộp thuế

在使用收银机生成的电子发票时，纳税人进行：

Khi sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, người nộp thuế thực hiện:

+ 根据第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 15 条的规定登记使用电子发票。

Đăng ký sử dụng HĐĐT theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

+ 开具发票发给客户。发票须符合第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 11 条和第 78/2021/TT-BTC 号通知第 8 条第 3 款的原则。

Lập hóa đơn giao cho khách hàng. Hóa đơn đáp ứng nguyên tắc tại Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

+ 在制作收银机生成的电子发票时使用税务机关签发的代码字符串，确保连续性和唯一性。

Sử dụng dải ký tự mã của cơ quan thuế cấp khi lập hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đảm bảo liên tục và duy nhất.

+ 通过电子数据接收、传输和存储服务提供商，在同一天内将电子发票数据从收银机传输到税务机关。

Chuyển dữ liệu HĐĐT từ máy tính tiền cho cơ quan thuế ngay trong ngày thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu điện tử.

### 3.6.4. 从收银机生成的电子发票的数据组成、传输方式和开展实施路程将根据税务机关的指引执行。

Thành phần dữ liệu, phương thức truyền nhận và lộ trình triển khai áp dụng HĐĐT được khởi tạo từ máy tính tiền thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thuế.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

### 3.7. 第 78/2021/TT-BTC 号通知第 11 条规定的实施效力

#### Hiệu lực thi hành quy định tại Điều 11 Thông tư số 78/2021/TT-BTC

- 第 78/2021/TT-BTC 号通知自 2022.07.01 起生效。

Thông tư số 78/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022.

- 自 2022.07.01 起，电子发票适用于经营户、经营个人。若第号议定第 14 条第 1 款规定的经营户、个人未通过电子设施与税务机关进行交易、无信息技术基础设施、无会计软件系统、无开具电子发票软件来使用电子发票和将电子数据传输给买方和税务机关，则得以在最多 12 个月的期间内使用税务机关的纸质发票，并且税务机关有逐步转为使用电子发票的办法。对于在 2022.07.01 前营运的经营户、个人，最多 12 个月的期间自 2022.07.01 起一次性计算；或对于自 2022.07.01 起新设立的经营户、个人，最多 12 个月的期间自登记使用发票之时起计算。

Hóa đơn điện tử áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022. Riêng trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP nếu không thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, không có hạ tầng công nghệ thông tin, không có hệ thống phần mềm kế toán, không có phần mềm lập hóa đơn điện tử để sử dụng hóa đơn điện tử và để truyền dữ liệu điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì sử dụng hóa đơn giấy của cơ quan thuế trong thời gian tối đa 12 tháng, đồng thời cơ quan thuế có giải pháp chuyển đổi dần sang áp dụng hóa đơn điện tử. Thời gian tối đa 12 tháng được tính một lần kể từ ngày 01/7/2022 đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động từ trước 01/7/2022; hoặc kể từ thời điểm đăng ký bắt đầu sử dụng hóa đơn đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới thành lập từ ngày 01/07/2022.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 自 2022 年 07 月 01 日起，财政部失效的通知、决定书包括：

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2022, các Thông tư, Quyết định của Bộ Tài chính hết hiệu lực thi hành gồm:

+ 财政部 2001/04/13 关于颁行印制、发行、管理、使用印花税票制度之第 30/2001/QĐ-BTC 号决定；

Quyết định số 30/2001/QĐ-BTC ngày 13/4/2001 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ in, phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế;

+ 2010/12/01 第 191/2010/TT-BTC 号通知，指引关于管理、使用运输发票；

Thông tư số 191/2010/TT-BTC ngày 01/12/2010 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hóa đơn vận tải;

+ 财政部 2011/03/14 指引关于销售货物和提供服务的电子发票的创建、开具和使用之第 32/2011/TT-BTC 号通知；

Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

+ 财政部 2014/03/31 第 39/2014/TT-BTC 号通知（获财政部 2014/08/25 第 119/2014/TT-BTC 号通知和 2015/02/27 第 26/2015/TT-BTC 号通知修改、补充）；

Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính);

+ 财政部部长 2015/06/23 有关试点使用带有税务机关验证码的电子发票之第 1209/QĐ-BTC 号决定，财政部部长 2018/04/16 有关扩大试点使用带有税务机关验证码的电子发票的范围之第 526/QĐ-BTC 号决定；

Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thí điểm, sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế, Quyết định số 526/QĐ-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc mở rộng phạm vi thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế;

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ 财政部部长 2016/12/14 有关延期执行 2015/06/23 第 1209/QĐ-BTC 号决定之第 2660/QĐ-BTC 号决定；

Quyết định số 2660/QĐ-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc gia hạn thực hiện Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/6/2015;

+ 财政部 2016/11/15 指引关于印制、发行、管理和使用属于国家预算的收费凭证之第 303/2016/TT-BTC 号通知；

Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

+ 财政部 2017/04/27 第 37/2017/TT-BTC 号通知，修改、补充财政部 2014/03/31 第号通知（获财政部 2014/08/25 第 119/2014/TT-BTC 号通知和 2015/02/27 第 26/2015/TT-BTC 号通知修改、补充）

Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính);

+ 财政部 2019/09/30 第 68/2019/TT-BTC 号通知，指引实施政府 2018/09/12 规定关于电子发票之第 119/2018/NĐ-CP 号议定的若干条款；

Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử;

+ 2020/10/30 第 88/2020/TT-BTC 号通知，修改、补充财政部 2019/09/30 指引实施政府 2018/09/12 规定关于电子发票的第 119/2018/NĐ-CP 号议定的若干条款之第 68/2019/TT-BTC 号通知第 26 条。

Thông tư số 88/2020/TT-BTC ngày 30/10/2020 sửa đổi, bổ sung Điều 26 Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử.



# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

### 3.8. 第 78/2021/TT-BTC 号通知第 12 条规定的过渡处理

#### Xử lý chuyển tiếp quy định tại Điều 12 Thông tư số 78/2021/TT-BTC

- 已宣布开具定制印制发票、私人印制发票、无带验证码电子发票或已注册使用带税务机关验证码的电子发票，已在第 78/2021/TT-BTC 号通知颁布之日前领购税务机关的发票的企业、经济组织，则自第 78/2021/TT-BTC 号通知颁布之日起至满 2022.06.30 止获继续使用正使用的电子发票，并依 2010.05.14 第 51/2010/NĐ-CP 号议定和政府 2014.01.17 规定关于销售货物、提供服务的发票的第 04/2014/NĐ-CP 号议定之规定办理各项发票手续。

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã thông báo phát hành hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hóa đơn điện tử không có mã hoặc đã đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, đã mua hóa đơn của cơ quan thuế trước ngày Thông tư số 78/2021/TT-BTC được ban hành thì được tiếp tục sử dụng hóa đơn đang sử dụng kể từ ngày Thông tư số 78/2021/TT-BTC được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022 và thực hiện các thủ tục về hóa đơn theo quy định tại các Nghị định: số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

第 78/2021/TT-BTC 号通知颁布之日起至满 2022.06.30 止，对于依财政部在税务总局提议的基础上做出的决定，具备开展电子发票的基础设施条件之地区，区内的经营单位有责任依税务机关通知的时程将本通知规定的电子发票转为适用。若经营单位未满足信息技术基础设施要求而继续按上述形式使用发票，则经营单位依随附第 123/2020/NĐ-CP 号议定附录IA的第 03/DL-HĐĐT 号表格将发票数据以及增值税申报表提交给税务机关。税务机关接收各经营单位的发票数据以输入发票数据库并刊登在税务总局电子信息网站上以便查询发票数据。

Từ ngày Thông tư số 78/2021/TT-BTC được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022, đối với các địa bàn đã đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng để triển khai hóa đơn điện tử theo Quyết định của Bộ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Tổng cục Thuế thì cơ sở kinh doanh trên địa bàn có trách nhiệm chuyển đổi để áp dụng hóa đơn điện tử quy định tại Thông tư này theo lộ trình thông báo của cơ quan thuế. Trường hợp cơ sở kinh doanh chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng hóa đơn theo các hình thức nêu trên thì cơ sở kinh doanh thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo Mẫu số 03/DL-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP này cùng với việc nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng. Cơ quan thuế tiếp nhận dữ liệu hóa đơn của các cơ sở kinh doanh để đưa vào cơ sở dữ liệu hóa đơn và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế phục vụ việc tra cứu dữ liệu hóa đơn.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 对于在第 78/2021/TT-BTC 号通知颁布之日起至满 2022.06.30 止期间内新设立的经营单位，若税务机关通知经营单位依第 123/2020/NĐ-CP 号议定、2018.09.12 第 119/2018/NĐ-CP 号议定及第 78/2021/TT-BTC 号通知的规定开展使用电子发票，则经营单位按税务机关的指引执行。若未满足信息技术基础设施条件而依 2010.05.14 第 51/2010/NĐ-CP 号议定和政府 2014.01.17 规定关于销售货物、提供服务的发票之第 04/2014/NĐ-CP 号议定继续使用发票，则按上述经营单位方式执行。

Đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập trong thời gian từ ngày Thông tư số 78/2021/TT-BTC được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022, trường hợp cơ quan thuế thông báo cơ sở kinh doanh thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018, Thông tư số 63/2019/TT-BTC và Thông tư số 78/2021/TT-BTC thì cơ sở kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thuế. Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng hóa đơn theo quy định tại các Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thì thực hiện như các cơ sở kinh doanh nêu trên.

- 针对依政府 2010/05/14 第 51/2010/NĐ-CP 号议定和 2014/01/17 第 04/2014/NĐ-CP 号议定（规定关于销售货物、提供服务的发票）印制的税务机关发票，若发票符号、发票型号符号与本通知的指引相同，且其内容符合政府 2020/10/19 第 123/2020/NĐ-CP 号议定的规定，则自 2022.07.01 起，依 2020/10/19 第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 23 条的规定，税务机关得以使用印制的发票出售给得以购买发票的对象。

Đối với hóa đơn của cơ quan thuế đã đặt in theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ nếu có ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn giống với hướng dẫn tại Thông tư này và nội dung phù hợp với quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ thì cơ quan thuế được sử dụng hóa đơn đã đặt in để bán cho các đối tượng được mua hóa đơn từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 个人所得税抵扣单据的使用依财政部于 2010.03.18 颁布指引关于私人印制个人所得税抵扣单据的发行、使用、管理的第 37/2010/TT-BTC 号通知（和修改、补充的文件）和财政部部长于 2018.11.12 颁布关于颁行截至 2022.06.30 使用的个人所得税征税单据范本的第 102/2008/QĐ-BTC 号决定继续执行。若抵扣个人所得税的组织满足信息技术基础设施条件，则得已于 2022.07.01 前依第 123/2020/NĐ-CP 号议定的规定使用电子单据形式抵扣个人所得税，并依财政部 2010.03.18 第 37/2010/TT-BTC 号通知的指引办理各项手续。

Việc sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 37/2010/TT-BTC ngày 18/3/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc phát hành, sử dụng, quản lý chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tự in trên máy tính (và văn bản sửa đổi, bổ sung) và Quyết định số 102/2008/QĐ-BTC ngày 12/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành mẫu chứng từ thu thuế thu nhập cá nhân đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022. Trường hợp các tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin được áp dụng hình thức chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP trước ngày 01 tháng 7 năm 2022 và thực hiện các thủ tục theo hướng dẫn tại Thông tư số 37/2010/TT-BTC ngày 18/3/2010 của Bộ Tài chính.

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 自企业、组织、经营户、个人依政府第 123/2020/NĐ-CP 号议定和第 78/2021/TT-BTC 号通知的规定使用电子发票时起，若发现依 2010.05.14 第 51/2010/NĐ-CP 号议定、政府 2014.01.17 第 04/2014/NĐ-CP 号议定及财政部各指引文件的规定开具的发票存有错误，则卖方和买方需制立协议记录并在记录中注明错误，卖方依随附第 123/2020/NĐ-CP 号议定的第 04/SS-HĐĐT 号表格通知税务机关，及开具新的电子发票。取代原错误发票的电子发票须有“取代...年...月...日型号...符号...编号...”。卖方在新的电子发票上进行数字签名以替换存有错误的发票（发票依政府第 51/2010/NĐ-CP 号议定、第 04/2014/NĐ-CP 号议定及财政部各项指引文件开具的）发给买方（对于使用无带税务机关验证码的电子发票）或税务机关以获得代替原发票的电子发票的代码（对于使用带税务机关验证码的电子发票）。

Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ và quy định tại Thông tư số 78/2021/TT-BTC, nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà hóa đơn này có sai sót thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập có sai sót (hóa đơn lập theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính) để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã) hoặc người bán gửi cơ quan thuế để được cấp mã cho hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

### 3.9. 第 16 条：停止使用电子发票

#### “Điều 16 Nghị định 123/2020: Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử

1. 企业、经济组织、其他组织、经营户、个人需停止使用带有和无带有税务机关验证码的电子发票若属于下列情况之一：

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc các trường hợp sau ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế:

a) 终止税号效力之企业、经济组织、其他组织、经营户、个人；

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

b) 税务机关确认并通知不在注册地址营运之企业、经济组织、其他组织、经营户、个人；

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp cơ quan thuế xác minh và thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;

c) 向国家审权机关通知停业之企业、经济组织、其他组织、经营户、个人；

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tạm ngừng kinh doanh;

d) 收到税务机关关于停止使用电子发票以进行强制欠税的通知之企业、经济组织、其他组织、经营户、个人；

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh có thông báo của cơ quan thuế về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để thực hiện cưỡng chế nợ thuế;

đ) 被职能机关发现有使用电子发票销售走私品、违禁品、假品、侵犯知识产权商品的行为并通知税务机关的情况；

Trường hợp có hành vi sử dụng hóa đơn điện tử để bán hàng nhập lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

e) 被职能机关发现有以卖空商品或提供挪用组织、个人资金的服务为目的而开具电子发票的行为，并通知税务机关。

Trường hợp có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán khống hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

g) 经营登记机关、国家审权机关发现企业依法律规定未具备足够经营条件时要求企业暂停经营有条件营业项目的情况；

Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

根据清查、检查结果，若税务机关确定企业设立以非法买卖、使用电子发票或非法使用电子发票漏税，则税务机关将依法做出停止使用电子发票的决定；企业将依法受到处理。”

Căn cứ kết quả thanh tra, kiểm tra, nếu cơ quan thuế xác định doanh nghiệp được thành lập để thực hiện mua bán, sử dụng hóa đơn điện tử không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn điện tử để trốn thuế theo quy định thì cơ quan thuế ban hành quyết định ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; doanh nghiệp bị xử lý theo quy định của pháp luật.”

# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

2019 年税务管理法第 91 条第 2 款规定：在店里、石油、邮电、清洁水、金融、信贷、保险、医疗、商业电子、超市业务、商业、空运、陆运、铁运、海运、水运领域经营的企业以及已经或将通过电子方式与税务机关进行交易的企业、经济组织，建设信息技术基础设施、拥有会计软件、开具电子发票软件系统，确保依法电子发票的开具、查询和储存电子发票数据，及确保电子发票数据向买方和税务机关的传输，则在出售货物、提供服务时，无论每次出售货物和提供服务的价值如何，均得以使用无带税务机关验证码的电子发票。

Khoản 2 điều 91 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định: Doanh nghiệp kinh doanh ở lĩnh vực điện lực, xăng dầu, bưu chính viễn thông, nước sạch, tài chính, tín dụng, bảo hiểm, y tế, kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh siêu thị, thương mại, vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy và doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã hoặc sẽ thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập hóa đơn điện tử đáp ứng lập, tra cứu hóa đơn điện tử, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định và bảo đảm việc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

第 123/NĐ-CP 号议定第 22 条第 3 款第 a.2 点规定：

Điểm a.2 khoản 3 Điều 22 Nghị định số 123/NĐ-CP quy định:

“a.2) 全部发票内容的传输方法适用于本款第 a1 点规定以外的货物销售、服务提供的情况。

“a.2) Phương thức chuyên đầy đủ nội dung hóa đơn áp dụng đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không thuộc quy định tại điểm a1 khoản này.

卖方在制作完发票的所有内容后，将发票发给买方，同时将发票发给税务机关。”

Người bán sau khi lập đầy đủ các nội dung trên hóa đơn gửi hóa đơn cho người mua và đồng thời gửi hóa đơn cho cơ quan thuế.”



# 发票、单据的若干新内容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

b) 由中央直辖市、市人委会向财政部提议的中小型企业，除在经济区、工业区、高科技园区营运的企业之外。

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khác theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Bộ Tài chính trừ doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

税务总局实施或委托提供电子发票服务的组织进行提供无需支付服务费的带税务机关验证码之电子发票给上述对象。”

Tổng cục Thuế thực hiện hoặc ủy thác cho tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử thực hiện cung cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ cho các đối tượng nêu trên.”



## 联络方式 / Liên lạc chúng tôi



[www.everwin-group.com](http://www.everwin-group.com)

No.23, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ [marketing@everwin-group.com](mailto:marketing@everwin-group.com)

No.133, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 913 125 253

☎ T +84 28 3860 3888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ [marketing@everwin-group.com](mailto:marketing@everwin-group.com)

G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Ha Noi

☎ M +84 908 398 199

✉ [marketing@everwin-group.com](mailto:marketing@everwin-group.com)

Think for you Do for you  
为您思考 用心服务

